

Số: /BGDDT-NGCBQLGD  
V/v xin ý kiến góp ý Dự thảo Thông tư

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2021


Kính gửi:

- Các cơ sở giáo dục đại học công lập;
- Các trường cao đẳng sư phạm.

Thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao về công tác soạn thảo, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã dự thảo Thông tư quy định tiêu chuẩn, điều kiện thi hoặc xét thăng hạng; nội dung, hình thức và việc xác định người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các trường cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học công lập (sau đây gọi tắt là Dự thảo Thông tư). Dự thảo Thông tư đã được đăng tải toàn văn trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo từ ngày 13/5/2021 tại địa chỉ: [www.moet.gov.vn](http://www.moet.gov.vn).

Để bảo đảm tính khả thi trong quá trình triển khai thực hiện, đồng thời sớm ban hành Thông tư đúng tiến độ, Bộ Giáo dục và Đào tạo kính gửi và đề nghị Quý Đơn vị nghiên cứu, góp ý cho Dự thảo Thông tư nói trên.

Ý kiến góp ý của Quý Đơn vị xin gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục) trước ngày 10/6/2021 theo địa chỉ: Số 35 Đại Cồ Việt, Hai Bà Trưng, Hà Nội. Điện thoại: 024.3869.5144 (số máy lẻ 133); di động: 0915.395.688; email: [trannga@moet.gov.vn](mailto:trannga@moet.gov.vn).

Trân trọng./. 

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TT. Phạm Ngọc Thương (để b/c);
- Phó CT phụ trách (để b/c);
- Công TTĐT Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, NGCBQLGD.

**TL. BỘ TRƯỞNG**  
**KT. CỤC TRƯỞNG CỤC NHÀ GIÁO**  
**VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ GIÁO DỤC**  
**PHÓ CỤC TRƯỞNG**



**Phạm Tuấn Anh**

**Dự thảo 2**  
11/5/2021

## **THÔNG TƯ**

**Quy định tiêu chuẩn, điều kiện thi hoặc xét thăng hạng; nội dung, hình thức và việc xác định người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các trường cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học công lập**

*Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 69/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;*

*Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục;*

*Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư quy định tiêu chuẩn, điều kiện thi hoặc xét thăng hạng; nội dung, hình thức và việc xác định người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các trường cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học công lập.*

### **Chương I**

#### **QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định tiêu chuẩn, điều kiện thi hoặc xét thăng hạng; nội dung, hình thức và việc xác định người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các trường cao đẳng sư phạm, các trường cao đẳng công lập có nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng (sau đây gọi chung là trường cao đẳng sư phạm) và cơ sở giáo dục đại học công lập.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với viên chức giảng dạy trong các trường cao đẳng sư phạm, trường cao đẳng công lập tham gia giảng dạy nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo và cơ sở giáo dục đại học công lập đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

## **Chương II**

### **TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN THI HOẶC XÉT THĂNG HẠNG**

#### **Mục 1**

#### **TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN THI HOẶC XÉT THĂNG HẠNG VIÊN CHỨC GIẢNG DẠY TRONG CÁC TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM CÔNG LẬP**

**Điều 3. Tiêu chuẩn, điều kiện thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên cao đẳng sư phạm chính (hạng II), mã số V.07.08.21**

Viên chức giảng dạy trong các trường cao đẳng sư phạm công lập được đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên cao đẳng sư phạm chính (hạng II) khi có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

1. Trường cao đẳng sư phạm công lập có nhu cầu và được cấp có thẩm quyền cử đi dự thi hoặc xét thăng hạng.

2. Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên cao đẳng sư phạm chính (hạng II); có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức quy định tại Điều 56 Luật Viên chức và được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức.

3. Đang giữ chức danh nghề nghiệp giảng viên cao đẳng sư phạm (hạng III), mã số V.07.08.22; có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp giảng viên cao đẳng sư phạm chính (hạng II), mã số V.07.08.21 và được hiệu trưởng trường cao đẳng sư phạm công lập xác nhận.

4. Đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên cao đẳng sư phạm chính (hạng II) quy định tại Điều 5 Thông tư số 35/2020/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các trường cao đẳng sư phạm công lập (sau đây viết tắt là Thông tư số 35/2020/TT-BGDĐT).

**Điều 4. Tiêu chuẩn, điều kiện thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên cao đẳng sư phạm cao cấp (hạng I)**

Viên chức giảng dạy trong các trường cao đẳng sư phạm công lập được đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên cao đẳng sư phạm cao cấp (hạng I) khi có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

1. Trường cao đẳng sư phạm công lập có nhu cầu và được cấp có thẩm quyền cử đi dự thi hoặc xét thăng hạng.

2. Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên cao đẳng sư phạm cao cấp (hạng I); có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức quy định tại Điều 56 Luật Viên chức và được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức.

3. Đang giữ chức danh nghề nghiệp giảng viên cao đẳng sư phạm chính (hạng II), mã số V.07.08.21; có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp giảng viên cao đẳng sư phạm cao cấp (hạng I), mã số V.07.08.20 và được hiệu trưởng trường cao đẳng sư phạm công lập xác nhận.

4. Đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên cao đẳng sư phạm cao cấp (hạng I) quy định tại Điều 6 Thông tư số 35/2020/TT-BGDĐT.

**Mục 2**

**TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN THI HOẶC XÉT THĂNG HẠNG VIÊN CHỨC GIẢNG DẠY TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC CÔNG LẬP**

**Điều 5. Tiêu chuẩn, điều kiện thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II)**

Viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập được đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II) khi có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

1. Cơ sở giáo dục đại học công lập có nhu cầu và được cấp có thẩm quyền cử đi dự thi hoặc xét thăng hạng.

2. Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II); có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức quy định tại Điều 56 Luật Viên chức và

được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức.

3. Đang giữ chức danh nghề nghiệp giảng viên (hạng III), mã số V.07.01.03; có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II), mã số V.07.01.02 và được thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học công lập xác nhận.

4. Đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II) quy định tại Điều 6 Thông tư số 40/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập (sau đây viết tắt là Thông tư số 40/2020/TT-BGDĐT).

### **Điều 6. Tiêu chuẩn, điều kiện thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp (hạng I)**

Viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập được đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp (hạng I) khi có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

1. Cơ sở giáo dục đại học công lập có nhu cầu và được cấp có thẩm quyền cử đi dự thi hoặc xét thăng hạng.

2. Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp (hạng I); có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức quy định tại Điều 56 Luật Viên chức và được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức.

3. Đang giữ chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II), mã số V.07.01.02; có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp (hạng I), mã số V.07.01.01 và được thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học công lập xác nhận.

4. Đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp (hạng I) quy định tại Điều 7 Thông tư số 40/2020/TT-BGDĐT.

## **Chương III**

### **NỘI DUNG, HÌNH THỨC XÉT THĂNG HẠNG VÀ VIỆC XÁC ĐỊNH NGƯỜI TRÚNG TUYỂN TRONG KỲ XÉT THĂNG HẠNG**

#### **Điều 7. Nội dung và hình thức xét thăng hạng**

### 1. Nội dung xét thăng hạng

Xét hồ sơ, thẩm định việc đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng và thẩm định, quy đổi điểm công trình khoa học.

### 2. Hình thức xét thăng hạng

Việc xét thăng hạng được thực hiện qua 02 (hai) bước như sau:

a) Bước 1: Xét hồ sơ và thẩm định việc đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng theo quy định.

b) Bước 2: Thẩm định, quy đổi điểm công trình khoa học đối với viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp khi đã đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng theo quy định.

### 3. Công trình khoa học quy đổi gồm:

a) Bài báo khoa học;

b) Kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế trong nước hoặc quốc tế;

c) Giải pháp hữu ích được ứng dụng có hiệu quả trong thực tiễn quản lý nhà nước, trong đổi mới quản lý và phát triển kinh tế - xã hội;

d) Sách phục vụ đào tạo đã được hội đồng khoa học (do cấp có thẩm quyền phê duyệt thành lập) thẩm định, nghiệm thu và đưa vào sử dụng trong đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ trung cấp trở lên đối với viên chức giảng dạy trong các trường cao đẳng sư phạm công lập và từ trình độ đại học trở lên đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập có mã số chuẩn quốc tế ISBN hoặc chương sách do một nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản;

đ) Báo cáo khoa học được xuất bản toàn văn trong kỷ yếu có mã số chuẩn quốc tế ISBN của hội thảo khoa học quốc gia, quốc tế;

e) Tác phẩm nghệ thuật (gồm sáng tác âm nhạc, sân khấu, điện ảnh, múa, mỹ thuật, kiến trúc và chương trình biểu diễn nghệ thuật), thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế.

4. Mỗi loại công trình khoa học quy định tại khoản 3 Điều này phải có nội dung phù hợp với ngành, chuyên ngành khoa học đang giảng dạy của viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và được tính bằng điểm quy đổi quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Công trình khoa học đã công bố có nội dung trùng lặp với công trình khác từ 30% trở lên chỉ được tính điểm quy đổi một lần. Bài đăng báo và sách phổ biến khoa học, bản tóm tắt kết quả nghiên cứu, báo cáo tổng kết, tổng quan, nhận xét, đánh giá, dịch thuật không được tính là công trình khoa học quy đổi.

6. Công trình khoa học quy đổi nếu có nhiều tác giả tham gia thì tác giả chính được hưởng 1/3 (một phần ba) số điểm của công trình, số điểm còn lại được chia đều cho từng người kể cả tác giả chính; trường hợp không thể xác định được tác giả chính thì chia đều cho từng người.

#### **Điều 8. Xác định người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng**

1. Xác định người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

a) Người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên cao đẳng sư phạm chính (hạng II), mã số: V07.08.21 là viên chức được Hội đồng xét thăng hạng xác định đạt điều kiện theo quy định tại Điều 3 của Thông tư này, đồng thời có điểm công trình khoa học quy đổi đạt tối thiểu 04 (bốn) điểm và lấy theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp được giao.

b) Người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên cao đẳng sư phạm cao cấp (hạng I), mã số: V07.08.20 là viên chức được Hội đồng xét thăng hạng xác định đạt điều kiện theo quy định tại Điều 4 của Thông tư này, đồng thời có điểm công trình khoa học quy đổi đạt tối thiểu 08 (tám) điểm và lấy theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp được giao.

c) Người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II), mã số: V.07.01.02 là viên chức được Hội đồng xét thăng hạng xác định đạt điều kiện theo quy định tại Điều 5 của Thông tư này, đồng thời có điểm công trình khoa học quy đổi đạt tối thiểu 05 (năm) điểm và lấy theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp được giao.

d) Người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp (hạng I), mã số: V.07.01.01 là viên chức được Hội đồng xét thăng hạng xác định đạt điều kiện theo quy định tại Điều 6 của Thông tư này, đồng thời có điểm công trình khoa học quy đổi đạt tối thiểu 10 (mười) điểm và lấy theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp được giao.

2. Trường hợp có từ 02 (hai) người trở lên có kết quả điểm công trình khoa học quy đổi bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng thì xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên như sau:

- a) Viên chức là nữ;
- b) Viên chức là người dân tộc thiểu số;
- c) Viên chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh);
- d) Viên chức có thời gian công tác nhiều hơn.

3. Trường hợp vẫn không xác định được viên chức thăng hạng theo thứ tự ưu tiên trên thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp có văn bản trao đổi với người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức và quyết định người trúng tuyển theo đề nghị của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức.

4. Viên chức không được thăng hạng trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này không được bảo lưu kết quả cho các kỳ xét thăng hạng lần sau.

5. Thông báo kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức:

a) Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày hoàn thành việc xét, Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức phải báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức về kết quả xét; đồng thời công khai trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và gửi thông báo bằng văn bản tới cơ quan, đơn vị cử viên chức dự xét về điểm xét thăng hạng để thông báo cho viên chức được biết.

b) Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày thông báo kết quả điểm xét thăng hạng, viên chức dự xét có quyền gửi đơn đề nghị phúc khảo kết quả điểm xét thăng hạng. Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức có trách nhiệm thành lập Ban phúc khảo và tổ chức xét phúc khảo, công bố kết quả xét phúc khảo chậm nhất 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày hết thời hạn nhận đơn phúc khảo theo quy định tại khoản này.

c) Chậm nhất 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày công bố kết quả xét phúc khảo, Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

d) Chậm nhất 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức có trách nhiệm thông báo kết quả xét và danh sách viên chức trúng tuyển bằng văn bản tới cơ quan, đơn vị cử viên chức tham dự kỳ xét.

## **Chương IV**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 9. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày      tháng      năm 2021.



## 2. Bãi bỏ các Thông tư sau:

a) Thông tư số 18/2017/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định điều kiện, nội dung, hình thức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập;

b) Thông tư số 08/2018/TT-BGDĐT ngày 12 năm 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định điều kiện, nội dung, hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập.

### **Điều 10. Điều khoản thi hành**

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Hiệu trưởng trường cao đẳng sư phạm công lập và Thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học công lập căn cứ quy định tại Thông tư này theo thẩm quyền được giao cử viên chức tham dự kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và chịu trách nhiệm về tiêu chuẩn, điều kiện của viên chức tham dự kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

2. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Hiệu trưởng trường cao đẳng sư phạm công lập và Thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học công lập chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Giáo dục và Đào tạo để xem xét, giải quyết./.

#### **Nơi nhận:**

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban VHGDĐT&ND của Quốc hội;
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Ủy ban Quốc gia đổi mới giáo dục và đào tạo;
- Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực;
- Hội đồng Giáo sư nhà nước;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Như Điều 10;
- Công báo; Cổng TTĐT Chính phủ; Cổng TTĐT Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, Vụ PC, Cục NGCBQLGD (20b).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Phụ lục****CÁCH TÍNH ĐIỂM CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC QUY ĐỔI**

*(Kèm theo Thông tư số /2021/TT-BGDĐT ngày tháng năm 2021  
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

**I. CÁCH TÍNH ĐIỂM QUY ĐỔI ĐỐI VỚI BÀI BÁO KHOA HỌC**

1. Một bài báo khoa học được công bố trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín (là những tạp chí khoa học có mã số chuẩn quốc tế ISSN thuộc danh mục trong Web of Science (ISI), danh mục Scopus hoặc danh mục quốc tế khác do Hội đồng Giáo sư nhà nước quyết định) được tính tối đa đến 2,0 điểm. Bài báo công bố trên tạp chí khoa học quốc tế có hệ số ảnh hưởng hoặc (và) chỉ số trích dẫn vượt trội được cộng thêm tối đa 50% số điểm quy đổi tối đa nêu trên.

2. Một bài báo khoa học được công bố trên tạp chí khoa học có mã số chuẩn quốc tế ISSN, không thuộc danh mục trong Web of Science và Scopus có xuất bản trực tuyến được tính tối đa đến 1,0 điểm; không có xuất bản trực tuyến được tính tối đa đến 0,75 điểm.

**II. CÁCH TÍNH ĐIỂM QUY ĐỔI ĐỐI VỚI KẾT QUẢ ỨNG DỤNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ**

1. Mỗi kết quả ứng dụng khoa học, công nghệ được cấp bằng độc quyền sáng chế được tính tối đa đến 3,0 điểm.

2. Mỗi giải pháp hữu ích được ứng dụng có hiệu quả trong thực tiễn quản lý nhà nước, trong đổi mới quản lý và phát triển kinh tế - xã hội được tính tối đa đến 2,0 điểm.

3. Mỗi tác phẩm nghệ thuật (âm nhạc, mỹ thuật, sân khấu, điện ảnh, múa, kiến trúc và chương trình biểu diễn), thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia được tính tối đa đến 1,0 điểm, nếu đạt giải thưởng quốc tế được tính tối đa đến 1,5 điểm.

**III. CÁCH TÍNH ĐIỂM QUY ĐỔI ĐỐI VỚI SÁCH PHỤC VỤ ĐÀO TẠO**

1. 01 sách chuyên khảo được tính tối đa đến 3,0 điểm.

2. 01 giáo trình được tính tối đa đến 2,0 điểm.

3. 01 sách tham khảo được tính tối đa đến 1,5 điểm.

4. 01 sách hướng dẫn được tính tối đa đến 1,0 điểm. Từ điển chuyên ngành được tính điểm như sách hướng dẫn.

5. Sách phục vụ đào tạo do một nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản thì được cộng thêm 25% số điểm quy đổi của sách, chương sách đó.

6. 01 chương sách phục vụ đào tạo do một nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản được tính tối đa đến 1,0 điểm.

#### **IV. CÁCH TÍNH ĐIỂM QUY ĐỔI ĐỐI VỚI BÁO CÁO KHOA HỌC**

1. Báo cáo khoa học tại hội thảo khoa học quốc gia có phản biện, được đăng toàn văn trong kỷ yếu của hội thảo được tính tối đa đến 0,5 điểm.

2. Báo cáo khoa học tại hội thảo khoa học quốc tế viết bằng tiếng Anh có phản biện, được đăng toàn văn trong kỷ yếu của hội thảo được tính tối đa đến 1,0 điểm.

3. Chỉ tính điểm quy đổi cho các báo cáo khoa học đăng trong tuyển tập công trình khoa học (kỷ yếu) của hội thảo khoa học quy định tại khoản này đã được xuất bản có mã số chuẩn quốc tế ISBN.

4. Báo cáo khoa học có trong danh mục của Web of Science và Scopus được tính điểm như bài báo khoa học nhưng không được coi là bài báo khoa học công bố trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín.